Karandamukuta (N10-N20).
Kirritamukuta (N21-N26).
Loại khác (N27-N33).

1. Người tu khổ hạnh, Bệ thờ Mỹ Sơn E1.
2. Người chơi đàn, Bệ thờ Mỹ Sơn E1.
3. Shiva, Mỹ Sơn A4.
4. Lokesvara, Mỹ Đức
5. Thần, Mỹ Sơn B.
6. Thần Mỹ Sơn A.
7. Nữ thần Devi.
8. Thần Hộ pháp, Trà Kiệu.
9. Thần Hộ pháp, Mỹ Sơn E4.
10. Người múa, bệ thờ Trà Kiệu.
11. Đầu thần, Trà Kiệu.
12. Đầu thần, Chánh Lộ.
13. Thần, Tháp Mẫm.
14. Đầu tượng, Mỹ Sơn G1.
15. Đầu tượng, Thập tháp.
16. Đầu tượng, Phước Tịnh.
17. Đầu tượng, Biên Hoà
18. Thần Hộ Pháp, Cù Hoan.
19. Đầu tượng, Dương Long.
20. Đầu tượng, Phước Tịnh.
21. Vishnu, Đa Nghi.
22. Thần, Đông Dương.
23. Shiva, YangMun.
24. Mukhalinga, PoklaunGaral.
25. Đầu tượng, Đồng Dương 1.
26. Đầu tượng, Trà Kiệu.
27. Đầu tượng, Trà Kiệu.

Karandamukuta (N10-N20).
Kirritamukuta (N21-N26).
Other Style (N27-N33).

1. Monk on pedestal base, My Son E1.
2. Music player on pedestal, My Son E1.
3. Shiva, My Son A4.
4. Lokesvara, My Duc.
5. God, My Son B.
6. God, My Son A.
7. Devi goddess.
8. Dvarapala, Tra Kieu.
9. Dvarapala, My Son E4.
10. Dancer on pedestal base, Trà Kiệu
11. Head of god, Tra Kieu.
12. Head of god Chanh Lo.
13. God, Thap Mam.
14. Statue head, My Son G1.
15. Statue head, Thap thap.
16. Statue head, Phuoc Tinh.
17. Statue head, Bien Hoa
18. Dvarapala, Cu Hoan.
19. Statue head, Duong Long.
20. Statue head, Phuoc Tinh.
21. Vishnu, Da Nghi.
22. God, Dong Duong.
23. Shiva, YangMun.
24. Mukhalinga, PoklaunGaral.
25. Statue head, Dong Duong 1.
26. Statue head, Tra Kieu.
27. Statue head, Tra Kieu.

28. Đầu tượng,
29. Đầu tượng,
30. Đầu tượng,
31. Đầu tượng,
32. Đầu tượng,
33. Đầu tượng,

Phụ lục 5: Hì
khắc Chămpa.

1. Sư tử, Qui N
2. Sư tử, Hưng
3. Gajasimha,
4. Kala, Mỹ Sc
5. Gajasimha,
6. Sư tử, Chiên
7. Singer, Qui
8. Sư tử, Chiên
9. Sư tử, Ưu D
10. Makara, T
11. Garuda.
12. Sư tử, Duo
13. Naga, Hun
14. Gajasimha
15. Voi, Trà K
16. Gajasimha
17. Garuda, N
18. Naga, Mỹ

Phụ lục 6:
Chămpa

1. Linga, Mỹ